TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy
Ông Nguyễn Bá Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1988.
HKTT: Xóm X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Cổng X, công ty S, đường B, phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Lương Đình L - sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị C và anh L đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2021 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Lương Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 15/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Đình L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lương Ngọc Á sinh ngày 10/02/2013 và cháu Lương Việt A sinh ngày 12/11/2016. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Á, giao cháu Việt A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm việc tại công ty Samsung, thu nhập 8.000.000đ/tháng. Chị có đủ điều kiện kinh tế và sức khoẻ để nuôi con.

Tại Bản tự khai ngày 29 tháng 11 năm 2021 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lương Đình L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 15/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế. Nhiều lần vợ chồng nói chuyện với nhau để tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Hai bên nội ngoại đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 10/02/2013 và cháu Lương Việt A, sinh ngày 12/11/2016. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Việt A. Giao cháu Ngọc Á cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh làm nghề buôn bán hàng điện tử, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản và nợ: Chị C và anh L đều trình bày thống nhất: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 04 tháng 5 năm 2022, đại diện UBND xã N cung cấp: Chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân, chị C về ở với mẹ đẻ và đi làm ăn. Anh L và các con ở với bố mẹ ở xóm 5 xã N. Vợ chồng chị C và anh L có 2 con chung là cháu Lương Ngọc Á sinh ngày 10/02/2013 và cháu Lương Việt A sinh ngày 12/11/2016. Hiện nay các cháu đang ở với anh L. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, được đi học và không bị đánh đập bạo hành. Anh L làm nghề tự do, có thu nhập, có sức khoẻ, có điều kiện nuôi con. Anh L không có vi phạm pháp luật nào bị xử lý. Chị C đi làm ăn thi thoảng có về quê, có sức khoẻ, không có vi phạm pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh L; Về con chung: Giao cháu Ngọc Á cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Việt A cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh L có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị C và anh L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị C và anh L tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 15/02/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm rạn nứt không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, xử cho chị được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị C và anh L có 2 con chung là cháu Lương Ngọc Á hai cháu đang ở với anh L và ông bà nội. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, được đi học và không bị đánh đập bạo hành. Xét điều kiện nuôi con của chị C và anh L: Các đương đều có sức khỏe, công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con ngang nhau. Chị C có nguyện vọng nuôi cháu Ngọc Á, anh L có nguyện vọng nuôi cháu Việt A. Xét nguyện vọng và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật. Cháu Ngọc Á có nguyện vọng ở với bố vì không muốn xa em trai. Ý kiến của cháu Ngọc Á cần được xem xét nhưng vẫn phải xét toàn diện các điều kiện khác để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Nếu giao cả hai cháu cho anh L nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về điều kiện chăm sóc và kinh tế. Vì vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Ngọc Á cho chị C nuôi dưỡng, giao cháu Việt A cho anh L nuôi dưỡng, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu một trong hai đương sự không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên còn lại có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lương Đình L.

2. Về con chung: Chị C và anh L có 02 con chung: Cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 10/02/2013 và cháu Lương Việt A, sinh ngày 12/11/2016. giao cháu Ngọc Á cho chị C nuôi dưỡng, giao cháu Việt A cho anh L nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0006354 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Nông Trường;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu